

Số: 4556/QĐ-KDPTTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

V/v Ban hành bảng cước dịch vụ EMS COD tiết kiệm (EMS E-COD)

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CTCP

- Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 28/6/2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011;
- Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – CTCP;
- Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐQT.IV ngày 08/06/2018 của HĐQT về việc điều chỉnh mô hình tổ chức Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - CTCP;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Kinh doanh – Phát triển thị trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “**Bảng cước Dịch vụ EMS COD Tiết kiệm (EMS E-COD)**”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2020. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng các Ban chức năng, Giám đốc Chi nhánh và Trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin Truyền thông (để b/c);
- Tổng Công ty BĐVN (để b/c);
- Các BDT/TP;
- HĐQT, Ban KS Tcty EMS;
- Các PTGD Tcty EMS;
- Lưu KDPTTT, VP.



BẢNG CƯỚC DỊCH VỤ EMS COD TIẾT KIỂM (EMS E-COD)

(Kèm theo Quyết định số: 4556/QĐ -KDPTTT ngày 16 tháng 07 năm 2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP)

I. CƯỚC CHÍNH:

1. Cước EMS E-COD:

NẶC KHỐI LƯỢNG	MỨC CƯỚC EMS E-COD (VNĐ)	
	Nội vùng	Liên vùng
Đến 500g	31,500	37,000
Trên 500g - 1.000g	36,500	47,500
Trên 1.000g - 1.500g	44,500	62,000
Trên 1.500g - 2.000g	49,500	74,500
Mỗi nấc 500g tiếp theo	5,000	12,000

Ghi chú: - Giá cước trên đã bao gồm phụ phí xăng dầu;

- Giá cước trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%.

2. Khu vực và vùng tính cước:

2.1. Khu vực:

- **Khu vực 1:** 28 Tỉnh, TP khu vực phía Bắc

(Bắc Kạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Hòa Bình, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái).

- **Khu vực 2:** 22 Tỉnh, TP khu vực phía Nam và 02 tỉnh khu vực miền Trung

(An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Tp. Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đắk Lắk, Đắk Nông).

- **Khu vực 3:** 11 tỉnh miền Trung

(Bình Định, Đà Nẵng, Gia Lai, Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi).

2.2. Vùng tính cước:

- **Nội vùng:** Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi giữa các Tỉnh/TP trong phạm vi cùng khu vực.

- **Liên vùng:** Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi giữa các Tỉnh/TP trong phạm vi khác khu vực.

(Khu vực được quy định tại điểm 2.1).

3. Cước hàng công kênh và hàng nhẹ:

3.1. Hàng công kênh:

- Là hàng hóa có kích thước vượt quá kích thước hàng tiêu chuẩn, cụ thể : chiều dài cộng với chu vi lớn nhất không đo theo chiều dài đã đo lớn hơn 3m hoặc chiều dài nhất lớn hơn 1,5m.

- Hàng công kênh thu cước bằng bằng 1,5 lần mức cước EMS Tiết kiệm (EMS E-COD) tương ứng quy định tại Điểm 1 Mục I của Bảng cước này.

3.2. Hàng nhẹ:

- Là hàng có trọng lượng nhỏ, kích thước lớn (có thể tích trên 6.000 cm³/kg hoặc khối lượng dưới 167 kg/m³)

- Khối lượng tính cước không căn cứ vào khối lượng thực mà căn cứ vào khối lượng quy đổi từ thể tích kiện hàng theo công thức sau:

$$\text{Khối lượng quy đổi (kg)} = \frac{\text{Thể tích kiện hàng (cm}^3\text{)}}{6000}$$

Ghi chú: Không áp dụng hệ số tính cước hàng công kênh đối với các bưu gửi đã tính cước theo khối lượng quy đổi.

II. PHỤ PHÍ:

- Giá cước đã bao gồm phụ phí xăng dầu.
- Miễn thu phụ phí vùng xa.

III. CƯỚC CÁC DỊCH VỤ CỘNG THÊM:

1. Cước dịch vụ thu hộ- chi hộ:

- Cước cơ bản dịch vụ thu hộ - chi hộ:

Số tiền thu hộ	Cước dịch vụ COD thu hộ (Đã bao gồm VAT)
Đến 3 triệu đồng	Miễn cước cơ bản dịch vụ thu hộ - chi hộ
Trên 3 triệu đồng	0,5% x số tiền thu hộ

- Cước các dịch vụ cộng thêm của dịch vụ thu hộ-chi hộ: Áp dụng theo bảng cước dịch vụ phát hàng thu tiền (COD) trong nước hiện hành của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Dịch vụ chuyển hoàn: Thu 40% cước chính quy định tại điểm 1, Mục I của bảng cước này.

3. Các dịch vụ cộng thêm khác: Theo quy định tại Bảng cước dịch vụ chuyển phát nhanh EMS trong nước hiện hành.

IV. MỨC BỒI THƯỜNG VỚI BƯU GỬI EMS TIẾT KIỆM (EMS E-COD):

- Áp dụng theo các quy định hiện hành đối với dịch vụ chuyển phát nhanh EMS trong nước và dịch vụ phát hàng thu tiền COD trong nước.

